

# LUẬN ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP MINH MÔN SỐ GIẢI

## QUYỂN HẠ

Nay lược lấy năm môn giản trạch Tâm sở hữu pháp. Năm môn là: Thứ nhất, các Luận không đồng; Thứ hai, phân biệt giả thật; Thứ ba, phân biệt bốn cõi; Thứ tư, phân biệt ba tánh; Thứ năm, phế và lập sáu địa vị.

### *1. Các luận không đồng:*

Y theo luận này Tâm sở hữu pháp có năm mươi một, nghĩa là Biến hành có năm, Biệt cảnh có năm, Thiện có mười một, Phiền não có sáu, Tùy phiền não có hai mươi, Bất định có bốn. Nếu y theo Luận Hiển Dương và Luận Ngũ Uẩn, Tâm sở hữu pháp có năm mươi một, đều đồng như luận này không có sai biệt. Nếu y theo Luận Tạp Tập, Tâm sở hữu pháp có năm mươi lăm. Ngoài ra các số đều đồng luận này. Chỉ phần Phiền não có sáu là khai Bất chánh kiến làm năm, nghĩa là Tát-ca-da kiến, Biên kiến, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Tà kiến. Đây tức các luận hiển số không đồng.

Hỏi: Tại sao Du-già trong phần Tùy phiền não lại thêm Tà dục và Tà thắng giải, mà các luận đều không có, đây có ý gì?

Đáp: Luận Du-già sở dĩ lại thêm Tà dục, Tà thắng giải là trong phần Biệt cảnh có năm: Ba thứ Niệm, Định, Tuệ nhập Tùy phiền não, nên biết Dục và Thắng giải cũng nhập Tùy phiền não. Lại hai số này làm chương nghĩa trọng được nhập trong Tùy phiền não.

Hỏi: Đã như thế các luận tại sao không nói?

Đáp: Các luận không nói vì Niệm, Định, Tuệ ba thứ là năm căn nhiếp, nên thân làm chương gần, lỗi rất nặng cho nên nhập trong Tùy phiền não.

Hỏi: Dục cùng Thắng giải năm căn không nhiếp. Tại sao Du-già kiến lập hai thứ này nhập Tùy phiền não. Nếu vậy tại sao Biến hành có năm cũng không nhập trong Tùy phiền não?

Đáp: Hai thứ này tuy hướng về ba thứ Niệm, Định, Tuệ chẳng phải năm căn nhiếp làm chướng là chút khinh. Nếu hướng về Biến hành trở lại là trọng. Luận Du-già lấy hai số này làm chướng nghĩa trọng được nhập trong Tùy phiền não.

Hỏi: Tại sao Luận Tạp Tập trong phần Phiền não có sáu, khai Bất chánh kiến làm năm kiến, các luận đều đồng là một, đây có ý gì?

Đáp: Các luận sở dĩ hợp làm một là lấy năm kiến này đồng là Tuệ tánh. Đối Pháp Luận sở dĩ khai làm năm là về phương diện hành giải không đồng khai nên làm năm. Đây cũng khai hợp có khác cũng không nạn vấn.

### **2. Phân biệt giả thật:**

Tâm sở hữu pháp nếu y theo luận Du-già, hai mươi bảy thứ là thật có, ngoài ra là giả lập. Hai mươi bảy thứ thật có là: Nghĩa là Biến hành có năm; Biệt cảnh có năm; trong Thiện có tám, trừ Bất phóng dật, Xả và Bất hại. Nên biết Bất phóng dật, Xả là Vô tham, Vô sân, Vô si, Tinh tấn, bốn pháp trên là giả. Bất hại tức là Vô sân ở trên là giả.

Hỏi: Các thiện pháp bao nhiêu thế tục có, bao nhiêu thật vật có?

Đáp: Ba thứ thế tục có, nghĩa là Bất phóng dật, Xả, Bất hại. Vì cơ sở Bất phóng dật, Xả là phần Vô tham, Vô sân, Vô si, Tinh tấn. Tức như thế pháp là nghĩa tạp nhiễm kiến lập làm Xả, đối trị nghĩa tạp nhiễm lập Bất phóng dật. Bất hại tức là phần Vô sân nên không có thật vật riêng. Trong phần Phiền não có sáu, năm thứ là thật có, nghĩa là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Một thứ là giả có, là Bất chánh kiến.

**Luận nói:** “Căn bốn phiền não có sáu: (1). Tham. (2). Sân. (3). Vô minh. (4). Mạn. (5). Kiến. (6). Nghi”.

Hỏi: Các Phiền não bao nhiêu thế tục có, bao nhiêu thật vật có?

Đáp: Kiến là thế tục có, là phần tuệ. Ngoài ra là thật vật có. Vì riêng có Tâm pháp, Tùy phiền não là giả hay thật. Nếu y theo Du-già trong phần Quyết Trạch, bốn pháp Bất định cũng nhập trong Tùy phiền não hợp thành hai mươi bốn gọi chung là phần Tùy phiền não, cũng không có hai pháp Tà dục, Tà thắng giải. Chỉ trong phần Bốn Địa có hai mươi sáu, vì lại thêm Tà dục, và Tà thắng giải. Trong phần Quyết Trạch nói: “Lại nữa, tự tánh Tùy phiền não như thế nào? Nghĩa là: Phần, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Cuống, Siểm, Hại, Kiêu, Vô tâm, Vô quý, Hôn trầm, Trạo cử, Bất tín, Giải đãi, Vong niệm, Phóng dật, Tán loạn, Bất chánh tri, Ác tác, Tùy miên, Tầm, Tư”. Như phần Bốn Địa đã tuyên nói rộng, các loại như thế gọi là tự tánh Tùy phiền não.

Lại nữa, Phiền não này bao nhiêu thế tục có, bao nhiêu thật vật

có. Nghĩa là Vô tầm, Vô quý, Bất tín, Giải đãi, bốn thứ này là thật vật có. Ngoài ra là giả có, nghĩa là năm thứ Phần, Hận, Não, Tật, Hại là phần Sân nên đều là thế tục có. Ba thứ Xan, Kiêu, Trạo cử là phần tham nên chỉ thế tục có. Chín pháp Phú, Cuống, Siễm, Hôn trầm, Tùy miên, Ác tác, Vong niệm, Tán loạn, Ác tuệ là phần Si, nên đều là thế tục có. Phóng dật là phần Tham, Sân, Si cũng là giả thế tục có. Hai thứ Tầm, Tư là phần Thân, Ngữ, Ý gia hạnh phần và huệ phần đều là giả có. Nếu y theo Du-già hai mươi bảy thứ là thật có, hai mươi bốn thứ là giả có. Nếu y theo văn của Đối Pháp Luận hai mươi thứ là thật vật có, ngoài ra là giả có.

Hai mươi hai thứ thật vật có: nghĩa là Biến hành có năm, Biệt cảnh có năm, Thiện có mười một. Trong đó bảy phần là thật có, bốn phần là giả có. Nên Đối Pháp Luận nói: “Vô si nghĩa là báo giáo chứng trí quyết trạch làm tánh”. Báo giáo chứng trí nghĩa là sinh được Văn, Tư, Tu chỗ phát sinh tuệ. Như thứ lớp nên biết.

Quyết trạch là: Tuệ, Dững mãnh, Tinh cần chung hợp. Nên biết Vô si dùng tuệ làm tánh lại không có thể riêng. Bất phóng dật, Xả đều cho rằng nương theo Chánh cần, Vô tham, Vô sân, Vô si, nên đây nương bốn pháp này giả lập.

Bất hại, nghĩa là Vô sân là một phần thiện căn, tâm bi mẫn làm thể. Nên biết Bất hại chẳng lia Vô sân cũng là giả. Căn bốn phiền não trong đó có mười, năm thứ là thật có, nghĩa là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Năm thứ là giả có nghĩa là năm kiến chấp bên ngoài lia tuệ không có tánh riêng.

Tùy phiền não... và Bất định hợp có hai mươi bốn thứ đều là giả lập. Nên luận nói: “Nên biết Phần... là giả kiến lập”. Lìa Sân... bên ngoài không có tánh riêng nghĩa là Phần, Hận, Não, Tật, Hại, năm thứ này là một phần của sân, đồng với Luận Du-già. Xan, Kiêu là một phần của tham. Trạo cử là một phần của tham. Ba thứ này là phần tham, cũng đồng với Du-già. Trong phần Phóng dật y chỉ giải đãi và tham, sân, si bốn pháp này giả lập, cũng đồng Du-già. Hai số Vô tầm, Vô quý là phần tham, sân, si giả lập. Hai số Bất tín, Giải đãi là phần si đều là giả lập, cùng Du-già không đồng. Nghĩa là Du-già nói bốn thứ này là thật vật có, nay Đối Pháp nói hai số Vô tầm, Vô quý là phần tham, sân, si. Hai số Bất tín, Giải đãi là phần ngu si nên không đồng Du-già. Hai số Cuống, Siễm là một phần của tham, si. Một số Tán loạn là phần tham, sân, si. Vong niệm, Bất chánh tri là trong phiền não lấy niệm tuệ làm tánh. Phú, Tùy miên, Ác tác là phần ngu si. Hai số Tầm, Tư hoặc là

Tánh, Tư; hoặc là Tánh, Tuệ; nghĩa là Suy lường, Bất suy lường có sai biệt. Trong Luận Đại thừa Du-già nói: “Trong Tùy phiền não có chín số là: Phú, Cuống, Siểm, Hôn trầm, Tùy miên, Ác tác, Vong niệm, Tán loạn, Ác tuệ, đều là phần si”. Nay trong Đối Pháp chỉ có Phú, Hôn trầm, Tùy miên, Ác tác, bốn thứ này là phần ngu si. Ngoài ra năm thứ kia không đồng, nghĩa là một số Tán loạn là phần tham, sân, si. Hai số Cuống, Siểm là một phần tham, si. Thất niệm, Bất chánh tri là một phần của tuệ niệm trong phiền não. Nên biết đều là ý khác của người tạo luận, mỗi người nói một nghĩa. Ở Ấn Độ các Đại đức đều nói: “Trong Tùy phiền não bảy thứ là thật có, nghĩa là Vô tâm, Vô quý, Hôn trầm, Trạo cử, Bất tín, Giải đãi, Tâm loạn. Bảy số này đều có thể riêng biệt”.

Hỏi: Vô tâm, Vô quý, Bất tín, Giải đãi bốn thứ này có thể riêng là trong luận văn rõ ràng. Còn ba số Hôn trầm, Trạo cử, Tán loạn mà có thể riêng thì làm sao được biết?

Đáp: Vì Trạo cử theo Số luận phân chia thuộc về phần Tham. Nếu số này lìa ngoài Tham ra thì không có thể riêng. Tham không cùng với sân, si tương ứng, nếu vậy riêng có lỗi trạo cử không được cùng tất cả phiền não tương ứng. Đã nói trạo cử cùng tất cả phiền não tương ứng, nên biết trạo cử có thể riêng. Trạo cử đã nói là một phần của tham có thể riêng, nên biết Hôn trầm, Tán loạn cũng nói chỉ là phần của si, nên biết cũng có thể riêng, mà văn của Đối Pháp chỉ nói trong Tùy phiền não phóng dật là một phần của tham, sân, si thì là thật có.

Trong Tùy phiền não có hai mươi, bảy số này Hôn trầm, Trạo cử, Tán loạn mà có thể riêng thì làm sao được biết? Vô tâm, Vô quý, Hôn trầm, Trạo cử, Bất tín, Giải đãi, Tâm loạn là phần của tham, sân, si. Ngoài ra mười ba số kia hoặc nói một phần, hoặc nói y chỉ nên biết đều là giả có.

Trong phần Bất định có bốn số thì Tùy miên, Ác tác cũng nói là phần của ngu si có thể riêng. Nghĩa là Tùy miên dùng tưởng dục làm tánh, lìa ngoài tưởng không có thể riêng. Nên Luận Hiển Dương nói: “Người nằm mộng do dục tưởng tạo tác”, đây phần nhiều cũng là hư dối. Nên biết tùy miên là dục tưởng tánh thuộc phần si. Tuy lìa ngoài si có thể riêng, nhưng là dục tưởng tánh nên biết cũng là giả lập. Văn nói về Ác tác không có, chỉ có các Luận sư Ấn Độ tương truyền rằng: “Hoặc là tuệ”. Tuy nói phần Si lìa ngoài si có thể riêng, nhưng Tư là tuệ tánh lìa ngoài Tư tuệ không có thể riêng, nên biết cũng là giả lập.

Tâm, Tư hai số này lìa tư là tuệ không có tánh riêng, cũng là giả lập. Các Sư Ấn Độ tương truyền rằng: “Thiện căn vô si cũng có thể

riêng”. Làm sao được biết? Trong Du-già chỉ nói: “Trong mười một thiện ba thứ giả có là Xả, Bất phóng dật, Bất hại, ngoài ra là thật có. Nên biết Vô si cũng có thể riêng”. Lại nói: “Đại bi dùng thiện căn Vô si làm tánh cùng hai mươi hai căn, Tuệ căn chẳng dùng ngôn ngữ nhiếp nhau, nên biết vô si có thể tánh riêng”.

Hỏi: Nếu vậy, tại sao Đối Pháp Luận nói: “Vô si là báo giáo chứng trí quyết trạch làm thể”.

Đáp: Báo giáo chứng trí là chỗ sinh tuệ, sinh được văn, tư, tu. Như thứ lớp nên biết. Quyết trạch là Tuệ, Dũng mãnh, Tinh cần cùng chung. Văn này tại sao lấy ngôn ngữ làm tuệ tánh ư!

Giải thích: Thiện căn vô si chỉ đối trị si; như Vô tham, Vô sân chỉ đối trị tham, sân; lại không có hành tướng riêng. Trong Đối Pháp Luận đứng về mặt hành tướng để giản trạch vô si, chẳng cho rằng thiện căn vô si tức là tuệ tánh. Nếu theo nghĩa này trong năm mươi nốt Tâm sở hữu pháp ba mươi là thật có, ngoài ra đều là giả có. Nói ba mươi là thật có, nghĩa là Biến hành có năm, Biệt cảnh có năm, Thiện có tám thêm vô si, Căn bốn phiền não có năm trừ Bất chánh kiến, Tùy phiền não có bảy. Hợp thành ba mươi là thật có, ngoài ra là giả có.

### **3. Phân biệt bốn cõi:**

Bốn cõi là: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Vô lậu giới. Trong năm mươi một Tâm sở hữu pháp có hai mươi một pháp thông cả bốn cõi là: Biến hành năm, Biệt cảnh năm, Thiện mười một.

Mười bốn pháp thông ba cõi. Ba cõi là: Dục giới và Sắc giới, Vô sắc giới. Mười bốn pháp là: Tham, Mạn, Nghi, Vô minh, Bất chánh kiến, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Hôn trầm, Trạo cử, Vong niệm, Bất chánh tri, Tán loạn, Kiêu.

Bốn pháp thông hai cõi, hai cõi là: Dục giới, Sắc giới. Bốn số là: Cuống, Siểm, Tâm, Tứ.

Mười pháp chỉ thông với Dục giới, mười pháp là: Tham, Phẫn, Hận, Náo, Phú, Tật, Xan, Hại, Vô tà, Vô quý.

### **4. Phân biệt tam tánh:**

Tam tánh là Thiện, Bất thiện, Vô ký. Trong năm mươi một Tâm sở hữu pháp, mười bốn thứ thông ba tánh. Mười bốn thứ là: Biến hành năm, Biệt cảnh năm, Bất định bốn.

Mười sáu thứ thông với hai tánh. Hai tánh là: Tánh bất thiện và Tánh vô ký. Mười sáu thứ là: Trong Phiền não có Tham, Sân, Si, Vô minh, Bất chánh kiến. Trong Tùy phiền não có mười một là: Cuống, Siểm, Kiêu, Hôn trầm, Trạo cử, Bất tín, Giải đãi, Phóng dật, Vong

niệm, Tán loạn, Bất chánh tri.

Hai mươi một thứ chỉ thông với một tánh: Hoặc thiện có mười một chỉ là tánh Thiện. Hoặc Sân, Phẫn, Hận, Phú, Não, Tật, Xan, Hại, Vô tâm, Vô quý, mười thứ này chỉ cho Bất thiện.

### **5. Phế, lập sáu địa vị:**

Y theo Luận Du-già lược lấy bốn nghĩa phế hay lập Tâm sở hữu pháp. Bốn nghĩa là: (1)- Xứ. (2)- Địa. (3)- Thời. (4)- Nhất thiết.

Xứ nghĩa là Tam tánh. Địa nghĩa là Cửu địa. Thời nghĩa là Sát-na tương tục. Nhất thiết nghĩa là Câu khởi.

Nay đứng về bốn nghĩa này đủ rõ nhiều ít, trong đây có hai: 1. Nói rõ sáu địa vị đầy đủ nghĩa nhiều ít. 2. Nói rõ nguyên do phế, lập sáu địa vị.

Trước nói rõ Sáu địa vị đầy đủ nghĩa nhiều ít:

Biến hành có năm pháp đầy đủ bốn thứ kia. Đó là: Biến Tam tánh. Biến Cửu địa. Tương tục. Câu khởi.

Biệt cảnh có năm pháp đủ hai, thiếu hai. Nói đủ hai là: Thông Tam tánh. Biến Cửu địa.

Nói thiếu hai là: Chẳng tương tục. Chẳng Câu khởi.

Mười một pháp thiện có một, thiếu ba. Nói có một là: Biến Cửu địa.

Nói thiếu ba là: Chẳng thông Tam tánh. Chẳng tương tục. Chẳng Câu khởi.

Phiền não sáu có một, không có bốn. Nói có một là: Bốn phiền não tánh.

Không có bốn là: Chẳng thông Tam tánh. Chẳng biến Cửu địa. Chẳng tương tục. Chẳng Câu khởi.

Một môn ban đầu cũng là gián trạch Tùy phiền não, do đó lại thêm bốn môn kia, đều y theo Luận Du-già.

Tùy phiền não có hai mươi, có một, không có bốn. Nói có một là: Tùy phiền não tánh.

Nói không có bốn là: Chẳng thông Tam tánh. Chẳng biến Cửu địa. Chẳng tương tục. Chẳng Câu khởi.

Một môn ban đầu là gián trạch Bốn phiền não tánh, do đó lại gia thêm bốn môn kia. Điều y theo Luận Du-già.

Bất định có bốn pháp, có một, thiếu ba.

Nói có một là: Thông Tam tánh.

Nói thiếu ba là: Chẳng biến Cửu địa. Chẳng tương tục. Chẳng Câu khởi.

Nói nguyên do phước, lập sáu địa vị:

Đem năm địa vị sau đổi lại Biến hành kia, để nói rõ phước lập. Năm pháp Biến hành đầy đủ bốn nghĩa nên gọi là Biến hành. Ngoài ra đều không đầy đủ chẳng phải Biến hành nhiếp. Năm pháp Biệt cảnh đều đầy đủ hai nghĩa, là thông Tam tánh và biến Cửu địa. Song, chẳng Tương tục cũng chẳng Câu khởi. Thiếu hai nghĩa này không gọi là Biến hành. Mười một pháp thiện đều đầy đủ một nghĩa là biến Cửu địa. Nhưng chẳng phải biến Tam tánh, cũng chẳng Tương tục, lại chẳng Câu khởi. Thiếu ba nghĩa này không gọi là Biến hành. Sáu pháp phiền não bốn nghĩa đều không đầy đủ. Nghĩa là chẳng thông Tam tánh, chẳng biến Cửu địa, cũng chẳng Tương tục, lại chẳng Câu khởi. Bốn nghĩa đều thiếu chẳng gọi là Biến hành. Pháp Tùy phiền não như phần phiền não đã nói. Bốn pháp Bất định đều đầy đủ một nghĩa, là thông Tam tánh. Nhưng chẳng biến Cửu địa, cũng chẳng Tương tục, lại chẳng Câu khởi. Ba nghĩa này thiếu không gọi là Biến hành.

Đem năm địa vị để đổi lại địa vị Biệt cảnh, ở nơi nghĩa có không để nói rõ phước lập. Đầy đủ hai thiếu hai, nhập trong Biệt cảnh. Ngoài ra đều không như vậy, chẳng phải Biệt cảnh nhiếp. Năm pháp Biến hành tuy thông Tam tánh và biến Cửu địa, chỉ làm Tương tục và làm Câu khởi, hai nghĩa không đồng, chẳng phải Biệt cảnh nhiếp. Mười một pháp thiện tuy biến Cửu địa cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng thông Tam tánh, một nghĩa có khác, chẳng phải Biệt cảnh nhiếp. Sáu pháp Phiền não tuy chẳng Tương tục, cũng chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng thông Tam tánh, chẳng biến Cửu địa, hai nghĩa có khác, chẳng phải Biệt cảnh nhiếp. Pháp Tùy phiền não đổi lại với Biệt cảnh kia phước lập như phiền não nói. Bốn pháp Bất định tuy thông Tam tánh cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng biến Cửu địa, một nghĩa không đồng, chẳng phải Biệt cảnh nhiếp.

Đem năm địa vị khác để đổi lại mười một thiện, ở nơi nghĩa có không để nói rõ phước lập đầy đủ mười một thiếu ba, nhập trong thiện pháp. Ngoài ra thì không như vậy, chẳng phải thiện pháp nhiếp. Năm pháp Biến hành tuy biến Cửu địa, chỉ là thông Tam tánh, cũng Tương tục, lại Câu khởi. Thiếu ba nghĩa nên không nhập trong thiện. Năm pháp Biệt cảnh tuy biến Cửu địa cũng chẳng Tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là thông Tam tánh, một nghĩa không đồng chẳng phải trong thiện nhiếp. Sáu pháp Phiền não tuy chẳng thông Tam tánh cũng chẳng Tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng biến Cửu địa, một nghĩa không đồng, chẳng nhập trong thiện. Pháp Tùy phiền não như phiền



não đã nói. Bốn pháp Bất định tuy chẳng Tương tục, cũng chẳng Câu khởi, chỉ là thông Tam tánh, chẳng biến Cửu địa, hai nghĩa có khác, chẳng nhập vào trong thiện.

Dem năm địa vị khác để đối lại sáu phiền não, ở nơi nghĩa có không để nói rõ phế lập. Có một không có bốn, nhập trong phiền não, các pháp khác không như vậy, chẳng phải phiền não nhiếp. Năm pháp Biến hành chỉ là thông nơi Tam tánh, biến Cửu địa, cũng là tương tục, lại là Câu khởi, cũng chẳng phải là gốc mê hoặc, năm nghĩa đều thiếu, chẳng phải phiền não nhiếp. Năm pháp Biệt cảnh tuy chẳng Tương tục cũng chẳng Câu khởi, chỉ là thông Tam tánh cũng biến Cửu địa, lại chẳng phải gốc mê hoặc, ba nghĩa không đồng nên chẳng phải phiền não nhiếp. Mười một pháp thiện tuy chẳng thông Tam tánh cũng chẳng tương tục lại chẳng Câu khởi, chỉ là biến Cửu địa, chẳng phải gốc phiền não, hai nghĩa không đồng nên chẳng phải phiền não nhiếp. Hai mươi pháp tùy phiền não tuy chẳng thông Tam tánh, chẳng biến Cửu địa cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng phải gốc phiền não, một nghĩa không đồng nên chẳng phải phiền não nhiếp. Bốn pháp Bất định tuy chẳng biến Cửu địa cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là thông Tam tánh, chẳng phải gốc phiền não, hai nghĩa không đồng chẳng phải phiền não nhiếp.

Dem năm địa vị khác để đối lại Tùy phiền não, ở nơi nghĩa có không để rõ phế lập đủ một thiếu bốn, nhập Tùy phiền não. Các pháp khác không như vậy, chẳng phải tùy phiền não nhiếp. Năm pháp Biến hành chỉ là thông Tam tánh biến Cửu địa, cũng tương tục lại Câu khởi, chẳng theo mê hoặc, năm nghĩa không đồng nên chẳng phải tùy phiền não nhiếp. Năm pháp Biệt cảnh tuy chẳng tương tục cũng chẳng Câu khởi, chỉ là thông nơi Tam tánh cũng biến Cửu địa, chẳng phải tùy phiền não, ba nghĩa không đồng chẳng phải tùy phiền não nhiếp. Mười một pháp thiện tuy chẳng thông Tam tánh cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng biến Cửu địa, chẳng phải tùy phiền não, hai nghĩa không đồng, chẳng phải Tùy phiền não. Sáu pháp phiền não tuy chẳng thông Tam tánh chẳng biến Cửu địa cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng phải Tùy phiền não, một nghĩa không đồng chẳng phải Tùy phiền não. Bốn pháp Bất định tuy chẳng biến Cửu địa cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là thông Tam tánh, chẳng phải Tùy phiền não, hai nghĩa không đồng, chẳng phải Tùy phiền não.

Dem năm địa vị khác để đối lại bốn pháp Bất định, ở nơi nghĩa



có, không để rõ phé, lập. Đủ một thiếu ba gọi là bốn pháp Bất định, các pháp khác không như vậy, chẳng phải Bất định nhiếp. Năm pháp Biến hành tuy thông Tam tánh, chỉ là biến Cửu địa cũng tương tục lại Câu khởi, ba nghĩa không đồng chẳng nhập Bất định. Năm pháp Biệt cảnh tuy thông Tam tánh cũng chẳng tương tục, lại chẳng Câu khởi, chỉ là biến Cửu địa, một nghĩa không đồng chẳng nhập Bất định. Mười một pháp thiện tuy chẳng tương tục cũng chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng thông Tam tánh, biến Cửu địa, hai nghĩa không đồng chẳng phải Bất định nhiếp. Sáu pháp phiền não tuy chẳng biến Cửu địa cũng chẳng tương tục lại chẳng Câu khởi, chỉ là chẳng thông Tam tánh, một nghĩa không đồng, chẳng phải Bất định nhiếp.

Từ trên đến đây, lược lấy năm môn giản trạch Tâm sở hữu pháp đã xong.

### 3. GIẢI THÍCH SẮC PHÁP:

**Luận nói:** “Thứ ba là Sắc pháp, lược có mười một loại” (1) Nhãn; (2) Nhĩ; (3) Tỉ; (4) Thiệt; (5) Thân; (6) Sắc; (7) Thanh; (8) Hương; (9) Vị; (10) Xúc; (11) Pháp xứ sở nhiếp đắc”.

Đây tức là phần thứ ba, nói rõ về sắc pháp. Trong này có hai ý: Thứ nhất là điệp lại lời văn; Thứ hai là nêu tên kể số. Đây là phần thứ nhất, điệp lại lời văn.

Sắc là pháp chất ngại gọi là sắc.

Hỏi: Nếu chất ngại gọi là sắc thì các sắc như mắt... cũng có thể gọi là chất ngại, sắc có làm gì đâu, tại sao là chất ngại?

Đáp: Sắc không tạo tác tuy chẳng phải là chất ngại, nhưng từ chất ngại sắc mà sinh nên cũng gọi là chất ngại.

Liễu biệt sắc trần gọi là nhãn; ưa nghe âm thanh gọi là nhĩ, ngửi đấm mùi gọi là tỷ; phân biệt ngọt cay gọi là thiệt; biết trơn, rít gọi là thân. Vì nhãn là chỗ hành nên gọi là sắc. Nếu y theo Tạp Tập Luận có hai mươi lăm thứ: nghĩa là xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, cao, thấp, hoặc chánh, bất chánh, quang, ảnh, sáng, tối, mây, khói, trần, lao, huýnh sắc, biểu sắc, không nhất hiển sắc.

Vì nhĩ là chỗ nghe nên gọi là thanh. Nếu y theo Tạp Tập Luận có mười một thứ là: hoặc khả ý, hoặc bất khả ý, hoặc câu tương vi, hoặc nhân thọ đại chủng, hoặc nhân bất thọ đại chủng, hoặc nhân câu đại

chúng, hoặc thế sở cộng thành, hoặc thành sở dẫn, hoặc biến kế sở chấp, hoặc Thánh ngôn sở nhiếp, hoặc phi Thánh ngôn sở nhiếp.

Vì tỷ ngữ mùi nên gọi là hương. Nếu y theo Tạp Tập Luận có sáu thứ là hương tốt, hương xấu, hương bình đẳng, hương câu sinh, hương hòa hợp, hương biến dị.

Vì thiệt hay nếm nên gọi là vị. Nếu y theo Tạp Tập Luận có mười hai thứ là: đắng, chua, cay, ngọt, mặn, lạt, hoặc khả ý, hoặc bất khả ý, hoặc tương vi, hoặc câu sinh,, hoặc hòa hợp, hoặc biến dị.

Thân hay chấp thủ nên gọi là xúc. Nếu y theo Tạp Tập Luận có hai mươi hai thứ là trơn, rít, nặng, nhẹ, mềm, ấm, nóng, lạnh, đói, khát, no, lực, hèn, buồn, ngứa, dính mắc, bệnh, lão tử, mệt mỏi, dừng nghỉ, dững mãnh.

Mười một pháp chỗ sắc nhiếp là: Ý thức, sở hành, vô kiến, vô đối, sắc uẩn, sở nhiếp. Cùng với lược có năm thứ là: Cực lược sắc, Cực huýnh sắc, Thọ sở dẫn sắc, Biến kế sở dẫn sắc, Tự tại sở sinh sắc.

Cực lược sắc là tột cùng vi tế của sắc. Cực huýnh sắc là tức lìa các ngại xúc sắc này. Thọ sở dẫn sắc là vô biểu sắc. Biến kế sở khởi sắc là ảnh tượng sắc. Tự tại sở sinh sắc là giải thoát tĩnh lự chỗ hành cảnh giới sắc.

Từ trên đến đây đại khái văn này nói rõ phần thứ ba về Sắc pháp đã xong.

#### **4. GIẢI THÍCH TÂM BẤT TƯƠNG ƯNG HÀNH PHÁP:**

*Luận nói:* “Thứ tư là Tâm Bất tương ứng hành pháp, lược có hai mươi bốn thứ:

- 1). Đắc
- 2). Mạng căn
- 3). Chúng đồng phần
- 4). Dị sinh tánh
- 5). Vô tướng định
- 6). Diệt tận định
- 7). Vô tướng sự
- 8). Danh thân
- 9). Cú thân
- 10). Văn thân
- 11). Sinh
- 12). Lão
- 13). Trụ

- 14). Vô thường
- 15). Lưu chuyển
- 16). Định dị
- 17). Tương ứng
- 18). Thế tức
- 19). Thứ đệ
- 20). Phương
- 21). Thời
- 22). Số
- 23). Hòa hợp tánh
- 24). Bất hòa hợp tánh.

Đây tức là phần thứ tư nói về Tâm Bất tương ứng hành pháp. Trong phần này có hai: Thứ nhất là điệp lại văn luận; Thứ hai là nêu số kể tên. Đây là thứ nhất, điệp lại lời văn của luận vậy.

Năm món Biến hành cùng với Tâm vương tương ứng, còn các pháp Đắc... này thì không tương ứng với Tâm Vương, nên chúng được gọi là Tâm bất tương ứng.

Nói “Hành” tức chỉ cho Hành uẩn, tức ở đây nói các pháp Đắc... được nhiếp vào trong Hành uẩn, còn các thứ Tâm Vương, Sắc pháp, Vô vi pháp thì chẳng phải Hành uẩn nhiếp.

Nói “Bất tương ứng” tức là gián biệt với tâm sở hữu pháp. Nói “Hành” tức là gián trạch tâm pháp, Sắc pháp và Vô vi pháp, nên gọi là Tâm Bất tương ứng hành. Nói “Lược có hai mươi bốn loại”, tức đây là phần thứ hai, nêu số liệt kể tên.

Đắc là ở nơi pháp Tam tánh giả lập mà được, gọi là Đắc. Chỗ cảm ứng nghiệp trước theo thời gian mạng trụ dài, ngắn mà quyết định gọi là Mạng căn. Sáu nẻo sai biệt mỗi mỗi không đồng, tự loại mà ở gọi là Chúng đồng phần. Đối với pháp Thánh chưa đắc chưa chứng, khác với Thánh nên gọi là Dị sinh tánh. Diệt sáu thức tâm, Tâm sở hữu pháp không có duyên lự gọi là Vô tướng định. Diệt sáu thức tâm, Tâm sở hữu pháp và một phần của thức thứ bảy gọi là Diệt tận định. Sinh cõi trời Vô Tướng trong năm trăm kiếp tâm không duyên lự gọi là Vô tướng sự. Đủ các hạnh trời người gọi Danh thân. Tụ tập các pháp gọi là hiển bày nghĩa nhiệm tịnh nên gọi Cú thân. Làm chỗ sở y cho hai thứ Danh và Cú thì gọi là Văn thân. Xưa không nay có gọi là Sinh. Tóc trắng mặt nhăn gọi là Lão. Tương tục không đoạn gọi là Trụ. Có rồi trở lại không gọi là Vô thường. Sát-na tương tục gọi là Lưu chuyển. Nhân quả mỗi mỗi sai khác gọi là Định dị. Nhân quả tương tục gọi là Tương ứng. Lưu

chuyển mau chóng gọi Thế tức. Mỗi một thứ không cùng nhau gọi là Thứ đệ. Đông, Tây, Nam, Bắc gọi là Phương. Quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là Thời. Một, mười, trăm, ngàn gọi là Số. Các duyên tụ hội gọi là Hòa hợp. Các hạnh duyên chống trái gọi là không hòa hợp.

Từ trên đến đây là phần thứ tư giải thích Tâm bất tương ứng hành đã xong.

Nay lược tạo ba môn để giản trách hai mươi bốn thứ Bất tương ứng hành pháp: Đó là: (1). Nói rõ các Luận không đồng; (2). Giải thích ngừa nạn vấn; (3). Biện giải về các giả tướng kia.

### **1. Nói rõ các luận không đồng:**

Xét trong Luận Du-già và Hiển Dương, cả hai luận này đều nói có hai mươi bốn pháp Bất tương ứng hành. Luận Đối Pháp nói có hai mươi ba, tức không có pháp “Bất hòa hợp tánh”. Còn Luận Ngũ Uẩn chỉ có mười bốn, tức thiếu pháp “Lưu chuyển...” cả thảy mười thứ. Đây tức là các Luận nêu số không đồng vậy.

### **2. Giải thích ngừa nạn:**

Hỏi: Tại sao Du-già và Hiển Dương, đều đồng luận này? Tại sao Đối Pháp Luận có hai mươi ba thứ đều hòa hợp, đây có ý gì?

Lối giải thích thứ nhất: Đối Pháp Luận nói “Hòa hợp đẳng” là luận đã nói hòa hợp..., nên biết đẳng là chẳng hòa hợp.

Lối giải thích thứ hai: Lược nên không nói.

Hỏi: Đồng lược mà tại sao không lược các số, chỉ lược Bất hòa hợp ư?

Đáp: Ngôn thuyết ở trong lời nói, do đó chỉ riêng lược Bất hòa hợp tánh.

Ngôn thuyết ở trong lời nói, nghĩa là tánh dị sinh là Kiến đạo phiền não, giả kiến lập hướng về Thánh đạo có nghĩa bất đắc, tức là nghĩa Bất hòa hợp. Trong Bất hòa hợp lược nêu một khía cạnh. Ngoài ra so với bất hòa hợp cũng có thể biết, do đó nghiên một khía cạnh của lược bất hòa hợp tánh. Luận Du-già, Hiển Dương này đều có hai mươi bốn thứ. Đây căn cứ ngoài dị sinh riêng có tên bất hòa hợp. Do đó trong luận khác nói hai mươi bốn thứ.

Hỏi: Các luận hoặc nói hai mươi bốn số, hoặc nói hai mươi ba số, đã như trên giải thích. Tại sao trong luận Ngũ Uẩn chỉ nói mười bốn, không có mười thứ: lưu chuyển...?

Đáp: Sở dĩ luận Ngũ Uẩn nói mười thứ: lưu chuyển..., luận kia nói “Như thế các loại...” tức giải thích luận kia nói, nên biết nói: Như thế các loại... cũng đồng là mười thứ: lưu chuyển... Trong đây chỉ lược nên

không nêu tên riêng.

### **3. Biện danh tướng kia:**

Hai mươi bốn Bất tướng ứng hành pháp đều là địa vị phần Sắc, Tâm, Tâm sở hữu pháp giả lập.

Hỏi: Hai mươi bốn Bất tướng ứng hành đều là phần vị Sắc, Tâm, Tâm sở hữu pháp giả lập, chưa biết bao nhiêu là trên sắc mà giả lập, bao nhiêu là trên Tâm mà giả lập, bao nhiêu là trên Tâm sở hữu pháp mà giả lập, bao nhiêu là chung cả Sắc, Tâm, Tâm sở hữu pháp, trên đó mà giả lập?

Đáp: Nếu y theo Đối Pháp Luận chung nhiếp làm tám địa vị, vì y theo tám thứ địa vị mà kiến lập. Luận nói: “Như thế... Tâm bất tướng ứng hành pháp”, là chỉ y theo phần vị sai biệt mà kiến lập, nên biết đều là giả có.

“Nghĩa là đối với thiện bất thiện... tăng giảm phần vị kiến lập một thứ”.

**Giải thích:** Đây tức là được thông Tam tánh trên sắc, tâm, Tâm sở hữu pháp mà giả lập.

“Đối với tâm, Tâm sở hữu pháp phần vị sai biệt kiến lập ba thứ”.

**Giải thích:** Nên biết đây là ba thứ Vô tướng định, Diệt tận định, Vô tướng dị thực. Nghĩa là Vô tướng định, Diệt tận định ở trên chủng tử tâm nhằm chán, tướng phần công năng tăng trưởng một bên giả lập làm hai định thể. Vô tướng dị thực nên biết ở trên chủng tử vô tướng báo tâm hướng về bên nghĩa Tâm bất tướng ứng hành, ở trên chủng tử báo tâm giả lập Vô tướng dị thực. Ba thứ này thông cả Tâm, Tâm sở hữu pháp trên đó giả lập.

“Ở nơi tánh phạm vị sai biệt kiến lập một thứ”.

**Giải thích:** Đây là mạng căn, nghĩa là nương A-lại-da thức hay giữ gìn chúng đồng phần, các căn bốn đại không hoại tức ở nơi A-lại-da thức tương ứng Tâm, Tâm sở hữu pháp trên đó giả lập Mạng căn, đây tức trên Tâm tâm sở hữu pháp chung giả lập. Nếu tại Dục giới, Sắc giới trên Sắc chung giả lập. Nếu tại Vô sắc giới chỉ có trên Tâm tâm sở hữu pháp chung giả lập.

“Ở nơi tương tự phần vị sai biệt kiến lập một thứ”.

**Giải thích:** Nên biết tức là Chúng đồng phần ở trên sắc, tâm, tâm sở hữu pháp chung giả lập.

“Ở nơi Tướng phần vị sai biệt kiến lập bốn thứ”.

**Giải thích:** Nên biết tức là bốn tướng trên sắc, tâm, tâm sở hữu pháp chung giả lập.

“Ở nơi ngôn thuyết phần vị sai biệt kiến lập ba thứ”.

**Giải thích:** Nên biết tức là ba thứ Danh, Cú, Văn thân trên sắc, tâm, tâm sở hữu pháp chung giả lập.

Hỏi: Trên Danh, Cú, Văn thân, Sắc giả lập, đây không có nghi. Tại sao ở trên Tâm, Tâm sở hữu pháp chung giả lập?

**Giải thích:** Đây tức Ý, Tự sở duyên, duyên khởi giải trên Tâm, Tâm sở hữu pháp chung giả lập.

“Ở nơi bất đắc phần vị sai biệt kiến lập một thứ”.

**Giải thích:** Nên biết tức là dị sinh tánh, nghĩa là ở trước bên nghĩa bất đắc vô lậu thánh pháp giả lập dị sinh tánh, tức chưa được kiến đạo đến sắc, tâm, Tâm sở hữu pháp trên đó giả lập.

“Ở nơi nhân quả phần vị sai biệt kiến lập các thứ”.

**Giải thích:** Nên biết tức là mười thứ khác, nghĩa là Lưu chuyển, Định dị, Tương ứng, Thế tốc, Thứ đệ, Phương, Thời, Số, Hòa hợp, Bất hòa hợp. Nên biết mười thứ này đều thông Sắc, Tâm, Tâm sở hữu pháp giả lập.

Nói chung, nên biết ba thứ trên Tâm, Tâm sở hữu pháp chung giả lập. Hai mươi một thứ trên Sắc, Tâm, Tâm sở hữu pháp chung giả lập. Nói ba thứ trên Tâm, Tâm sở hữu pháp chung giả lập là: Vô tướng định, Diệt tận định, Vô tướng dị thực. Nói hai mươi một thứ trên Sắc, Tâm, Tâm sở hữu pháp chung giả lập là: Đắc, Mạng căn, Chúng đồng phần, Dị sinh tánh, Danh thân, Cú thân, Văn thân, Sinh, Lão, Tử, Vô thường, Lưu chuyển, Định dị, Tương ứng, Thế tốc, Thứ đệ, Thời, Phương, Số, Hòa hợp, Bất hòa hợp.

Đây tức lược giản trạch Tâm bất tương ứng hành đã xong.

## 5. GIẢI THÍCH VỀ PHÁP VÔ VI:

**Luận nói:** “Thứ năm là Vô vi pháp, lược có sáu thứ: (1). Hư không vô vi; (2). Trạch diệt vô vi; (3). Phi trạch diệt vô vi; (4). Bất động diệt vô vi; (5). Tưởng thọ diệt vô vi; (6). Chân như vô vi.”

Đây là phần thứ năm nói về Vô vi pháp. Trong văn này có hai phần: Thứ nhất là điệp lại văn luận; Thứ hai là nêu số kể tên. Đây là phần thứ nhất, điệp lại văn luận vậy. Nói “Lược có sáu thứ”, tức là phần thứ hai, nêu số kể tên vậy.

Vô sắc tánh dung thọ tất cả chỗ tạo nghiệp, nên gọi là Hư không.

Tuệ có công năng giản trạch nên gọi là Trạch. Vì giản trạch được diệt nên gọi là Trạch diệt.

Nhân duyên không tụ hội, các pháp không sinh, chẳng do tuệ diệt

nên gọi là Phi trạch diệt

Tĩnh lực trở lên chỉ có xả thọ hiện hành, không bị khổ, vui làm động nên gọi là Bất động.

Trong diệt tận định tâm, Tâm pháp diệt, tướng thọ dụng thắng, gương nói đây tức gọi là Tướng thọ diệt.

Pháp tánh xưa nay thường tự tịch diệt, nghĩa là không dời động nên gọi là Chân như.

Đây tức phần thứ năm nói rõ Pháp Vô vi.

Từ trên đến đây nói tất cả pháp, xuống cho đến phần thứ năm pháp Vô vi là đáp câu hỏi trước đã xong. Từ đây trở xuống là phần thứ hai đáp câu hỏi sau.

**Luận nói:** “Nói Vô ngã lược có hai thứ: (1). Bồ-đặc-già-la vô ngã. (2). Pháp vô ngã”.

Đây tức phần thứ hai đáp câu hỏi sau.

Trong đây về phần đáp có hai: (1). Lặp lại. (2). Nêu số, kể tên.

Bồ-đặc-già-la: Trung Hoa phiên dịch là Sắc thủ thú, tức là ở trong sáu đường thường thường qua lại gọi là Sắc thủ thú. Tuy qua qua lại lại đều không có ngã và nhân nên gọi là Vô ngã (tức là Nhân vô ngã).

Pháp vô ngã: Nghĩa là Uẩn, Giới, Xứ... gọi là pháp, đây không có nhân nên gọi là Vô ngã.

Đây tức phần thứ hai đáp câu hỏi sau đã xong.

LUẬN ĐẠI THỪA BÁCH PHÁP MINH MÔN SỐ GIẢI QUYỂN HẠ  
(HẾT)

